

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2021

V/v ly hôn

**NHÂN D**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Thị Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Quý
2. Ông Trần Đăng Vạn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 752/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” của Tòa án nhân dân Quận 9 (cũ) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Y V, sinh năm 1980

Địa chỉ: Đường 7, khu phố 8, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Huỳnh Phước D, sinh năm 1976

Địa chỉ: Đường 7, khu phố 8, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2020, Bản tự khai và lời khai trong quá trình hòa giải nguyên đơn bà Ngô Thị Y V trình bày:

Bà và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Ê, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2009, ngày 08/8/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, năm nào vợ chồng cũng bất hòa với nhau, thời gian kéo dài từ 3-4 tháng, mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn, vì con còn nhỏ nên bà luôn là người chủ động làm lành, hòa giải để vợ chồng cùng

nuôi dạy con. Tuy nhiên, đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung với ông D được nữa. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau. Tuy thực tế bà và ông D vẫn sống chung nhà nhưng đó không phải là một gia đình theo đúng nghĩa mà mạnh ai nấy sống, không ai nói chuyện với ai, không có sự quan tâm qua lại với nhau nên nếu duy trì cuộc sống chung thì sẽ A hưởng tới tâm lý của các con; bà không còn tình cảm với ông D. Nay bà xác định tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn với nhau được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Phước D.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Thục Q, sinh ngày 30/9/2010 và Huỳnh Thục A, sinh ngày 29/8/2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con vì từ trước đến nay bà là người lo kinh tế gia đình cũng như chăm sóc các con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Huỳnh Phước D trình bày: Ông xác nhận quá trình chung sống, kết hôn và mâu thuẫn xảy ra đúng như bà V trình bày, mâu thuẫn hiện nay giữa ông và bà V quá trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hiểu nhau, sống không có hạnh phúc. Do đó, nay bà V yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Thục Q, sinh ngày 30/9/2010 và Huỳnh Thục A, sinh ngày 29/8/2017. Ông không đồng ý giao hai người con cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Vì công việc của ông không gò bó về thời gian, ông chủ động được thời gian sắp xếp công việc để lo cho các con. Ông biết bản thân ông chăm sóc các con gái là một khó khăn cho ông, tuy nhiên ông không yên tâm khi giao con cho bà V trực tiếp chăm sóc, giáo dục vì hiện nay bà V chăm sóc con theo kiểu phục vụ con chứ không phải dạy các con có được kỹ năng sống, tự phục vụ bản thân

- Về tài sản chung: Ông và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác nhận ông và bà V không có nợ chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Y V trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Phước D vì mâu thuẫn giữa bà và ông D không thể hòa giải được với nhau, bà cũng muốn mối quan hệ giữa bà và ông D ngày càng tốt

hơn để tinh thần các con của ông bà được vui vẻ nhưng ông D không có thiện chí thay đổi bản thân để vợ chồng có thể hàn gắn sống vui vẻ, hòa hợp; Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Thục Q, sinh ngày 30/9/2010 và Huỳnh Thục A, sinh ngày 29/8/2017, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Huỳnh Phước D trình bày: Ông xác nhận những mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà V đã trình bày. Ông cũng muốn bà V thay đổi thái độ, cách ứng xử với chồng. Bà V cho rằng ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm là không đúng bởi vì ông không làm gì sai, tính cách ông là như vậy, người thay đổi là bà V chứ không phải ông. Nay bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông không đồng ý giao 02 người con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, Hội đồng xét xử giao 02 con cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/con/tháng đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nợ chung: Không có.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc bà Ngô Thị Y V và ông Huỳnh Phước D thuận tình ly hôn; Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung Huỳnh Thục Q, sinh ngày 30/9/2010 và Huỳnh Thục A, sinh ngày 29/8/2017 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc ông Huỳnh Phước D tự nguyện cấp

dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/con/tháng; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có; Án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà V phải chịu; Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Huỳnh Phước D phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án trA chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là ông Huỳnh Phước D, sinh năm: 1976, cư trú tại Đường 7, khu phố 8, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ bà V và ông D đã chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Ê, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2009, quyển số 01/2009, ngày 08/8/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Y V và ông Huỳnh Phước D là hợp pháp.

Xét quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự tôn trọng nhau, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Bị đơn, ông D cũng xác nhận cuộc sống chung không có hạnh phúc và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà V và ông D thuận tình ly hôn.

Về con chung: Xét lời khai của bà V, ông D thì hiện nay 02 người con chung tên Huỳnh Thục Q, sinh ngày 30/9/2010 và Huỳnh Thục A, sinh ngày 29/8/2017 đang sống chung cùng ông bà. Bà V và ông D vẫn có trách nhiệm chung trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con và đưa đón các con đi học. Tại Biên bản làm việc ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9 (cũ) thì cháu Huỳnh Thục Q có trình bày ý kiến là không muốn ba mẹ ly hôn, muốn được sống chung với cả ba và mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: 02 cháu Thục Q và Thục A đều là cháu gái, còn nhỏ và thực tế bà V là người trực tiếp chăm sóc các cháu hàng ngày. Do đó, việc bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Tuy bà V không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nhưng ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/con/tháng đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

Về tài sản chung: Bà V và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà V tự khai không có, ông D cũng xác nhận không có nợ chung.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà V phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0046606 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9 (cũ); Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Huỳnh Phước D phải chịu;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Y V và ông Huỳnh Phước D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2009, quyền số 01/2009, ngày 08/8/2009 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Ê, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Huỳnh Phước D và bà Ngô Thị Y V không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung tên Huỳnh Thục Q, sinh ngày 30/9/2010 và Huỳnh Thục A, sinh ngày 29/8/2017 cho bà Ngô Thị Y V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận ông Huỳnh Phước D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng hai bên tự thực hiện.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị Y V phải nộp án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0046606 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng ông Huỳnh Phước D phải chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tăng Thị Nguyệt**